

Kiền Bai, ngày 27 tháng 5 năm 2024

**BIÊN BẢN**  
**Tự đánh giá mức độ chuyển đổi số trong nhà trường**  
**Năm học 2023-2024**

\* Thời gian: 14 giờ 30 phút, ngày 7 tháng 5 năm 2024

\* Địa điểm; Phòng hội đồng trường THCS Kiền Bai

\* Thành phần:

- Chủ trì: Bà Trần Thị Hồng Trân, Chức vụ: Hiệu trưởng trường THCS Kiền Bai
- Thư ký: Bà Phạm Thị Hồng Thắm, Chức vụ: giáo viên môn Tin học- Tổ KHTN
- Thành phần khác: Các đồng chí trong hội đồng tự đánh giá mức độ chuyển đổi số trong nhà trường.

Thực hiện Công văn số 206/KH-PGDDT, ngày 26/09/2024 của Phòng Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) huyện Thủy Nguyên về triển khai đánh giá mức độ chuyển đổi số trong các nhà trường năm học 2023-2024, Trường THCS Kiền Bai đã tiến hành tự đánh giá, mức độ chuyển đổi số trong nhà trường theo quy định.

Kết quả tự đánh giá, xếp loại như sau:

STT	Tiêu chí	Điểm tối đa	Điểm thành phần	Mức độ	Ghi chú, minh chứng (Đối với các minh chứng là văn bản, quy chế của nhà trường, yêu cầu ghi rõ số, ngày ban hành, tên văn bản)
I	<b>Chuyển đổi số trong dạy, học</b>	100			
1.1	Có ban hành kế hoạch tổ chức dạy học trực tuyến (kết hợp với dạy học trực tiếp; ban hành riêng hoặc lồng ghép trong kế hoạch tổ chức dạy học hàng năm)			Mức độ 1: dưới 10 điểm Mức độ 2: từ 10 -20 điểm Mức độ 3: trên 20 điểm Đạt mức độ 3: 26/30 điểm	Có kế hoạch dạy học trực tuyến
1.2.	Có ban hành quy chế tổ chức dạy học trực tuyến				Có ban hành quy chế
1.3.	Triển khai phần mềm dạy học trực tuyến: - Có triển khai phần mềm dạy học trực tuyến trực tiếp (ghi tên)	30	Tối đa 6 điểm. 5/6 điểm		Phần mềm Zoom và Tem



STT	Tiêu chí	Điểm tối đa	Điểm thành phần	Mức độ	Ghi chú, chừng (Đối với các chứng là văn bản quy chế của nhà trường, yêu cầu rõ số, ngày ban hành, tên văn bản)						
	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có triển khai hệ thống quản lý học tập trực tuyến (LMS)/hệ thống quản lý nội dung học tập trực tuyến (LCMS) (cung cấp thông tin: Tên giải pháp, tự xây dựng/thuê/mua).</li> <li>- Hệ thống LMS/LCMS có triển khai các chức năng:             <ol style="list-style-type: none"> <li>(1) Giáo viên giao bài cho học sinh tự học;</li> <li>(2) Giáo viên trả lời (giải đáp) các câu hỏi của học sinh;</li> <li>(3) Tổ chức kiểm tra, đánh giá thường xuyên;</li> <li>(4) Phụ huynh học sinh tham gia vào các hoạt động học tập của học sinh.</li> </ol> </li> </ul>		<p>Tối đa 24 điểm, mỗi chức năng triển khai tối đa 6 điểm. 21/24 điểm</p>								
1.4.	Số lượng học liệu được số hóa (đã được tổ chuyên môn thông qua và được người đứng đầu cơ sở giáo dục phê duyệt).	10	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ít hơn 20 học liệu: tối đa 3 điểm.</li> <li>- Ít hơn 40 học liệu: tối đa 6 điểm. 5/6 điểm</li> </ul>	<p>Mức độ 1: dưới 4 điểm Đạt mức độ 2: từ 5 điểm Mức độ 3: trên 6 điểm</p>	Baigiangdientu cn@gmail.com						
1.5.	<p>Có tổ chức triển khai thi, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập trên phòng máy tính: có phần mềm, máy tính kết nối mạng LAN (cung cấp thông tin: tên giải pháp phần mềm)</p> <p>Phần mềm tổ chức thi trên máy tính có kết nối, trao đổi kết quả với hệ thống quản trị nhà trường</p>	20	<table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <tr> <td style="padding: 5px;"> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tối đa 15 điểm 10/15 điểm</li> </ul> </td> <td style="padding: 5px;"> <p>Mức độ 1: dưới 8 điểm Mức độ 2: từ 8 - 14 điểm Mức độ 3: trên 14 điểm Đạt mức độ 2: 14/15 điểm</p> </td> </tr> <tr> <td style="padding: 5px;"> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tối đa 5 điểm 4/5 điểm</li> </ul> </td> <td style="padding: 5px;"> <p>Quy chế /Kế hoạch /văn bản triển khai</p> </td> </tr> </table>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tối đa 15 điểm 10/15 điểm</li> </ul>	<p>Mức độ 1: dưới 8 điểm Mức độ 2: từ 8 - 14 điểm Mức độ 3: trên 14 điểm Đạt mức độ 2: 14/15 điểm</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tối đa 5 điểm 4/5 điểm</li> </ul>	<p>Quy chế /Kế hoạch /văn bản triển khai</p>				
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tối đa 15 điểm 10/15 điểm</li> </ul>	<p>Mức độ 1: dưới 8 điểm Mức độ 2: từ 8 - 14 điểm Mức độ 3: trên 14 điểm Đạt mức độ 2: 14/15 điểm</p>										
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tối đa 5 điểm 4/5 điểm</li> </ul>	<p>Quy chế /Kế hoạch /văn bản triển khai</p>										
1.6.	<p>Phát triển nguồn nhân lực chuyên đổi số:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tỉ lệ giáo viên có tài khoản sử dụng trên Hệ thống bồi dưỡng giáo viên trực tuyến để tự bồi dưỡng qua mạng một cách chủ động, thường xuyên theo nhu cầu</li> </ul> <p>- Tỉ lệ giáo viên có thể khai thác sử dụng được các phần mềm, công cụ nhằm đổi mới phương pháp dạy học</p> <p>- Tỉ lệ giáo viên có thể xây dựng được học liệu số, bài giảng điện tử</p>	20	<table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <tr> <td style="padding: 5px;"> <ul style="list-style-type: none"> <li>- &lt;30%: tối đa 2 điểm;</li> <li>- 30%-60%: tối đa 4 điểm;</li> <li>- &gt;60%: tối đa 7 điểm. 5/7 điểm</li> </ul> </td> <td style="padding: 5px;"> <p>Mức độ 1: dưới 8 điểm Mức độ 2: từ 8 - 14 điểm Mức độ 3: trên 14 điểm Đạt mức độ 3: 15/20 điểm</p> </td> </tr> <tr> <td style="padding: 5px;"> <ul style="list-style-type: none"> <li>&lt;30%: tối đa 2 điểm;</li> <li>30%-60%: tối đa 4 điểm;</li> <li>&gt;60%: tối đa 7 điểm 6/7 điểm</li> </ul> </td> <td style="padding: 5px;"> <p>100% giáo viên có tài khoản bồi dưỡng</p> </td> </tr> <tr> <td style="padding: 5px;"> <ul style="list-style-type: none"> <li>&lt;30%: tối đa 2 điểm;</li> <li>30%-60%: tối đa 4 điểm;</li> <li>&gt;60%: tối đa 6 điểm. 4/6 điểm</li> </ul> </td> <td style="padding: 5px;"> <p>30/30 GV 25/30 GV</p> </td> </tr> </table>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- &lt;30%: tối đa 2 điểm;</li> <li>- 30%-60%: tối đa 4 điểm;</li> <li>- &gt;60%: tối đa 7 điểm. 5/7 điểm</li> </ul>	<p>Mức độ 1: dưới 8 điểm Mức độ 2: từ 8 - 14 điểm Mức độ 3: trên 14 điểm Đạt mức độ 3: 15/20 điểm</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>&lt;30%: tối đa 2 điểm;</li> <li>30%-60%: tối đa 4 điểm;</li> <li>&gt;60%: tối đa 7 điểm 6/7 điểm</li> </ul>	<p>100% giáo viên có tài khoản bồi dưỡng</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>&lt;30%: tối đa 2 điểm;</li> <li>30%-60%: tối đa 4 điểm;</li> <li>&gt;60%: tối đa 6 điểm. 4/6 điểm</li> </ul>	<p>30/30 GV 25/30 GV</p>		
<ul style="list-style-type: none"> <li>- &lt;30%: tối đa 2 điểm;</li> <li>- 30%-60%: tối đa 4 điểm;</li> <li>- &gt;60%: tối đa 7 điểm. 5/7 điểm</li> </ul>	<p>Mức độ 1: dưới 8 điểm Mức độ 2: từ 8 - 14 điểm Mức độ 3: trên 14 điểm Đạt mức độ 3: 15/20 điểm</p>										
<ul style="list-style-type: none"> <li>&lt;30%: tối đa 2 điểm;</li> <li>30%-60%: tối đa 4 điểm;</li> <li>&gt;60%: tối đa 7 điểm 6/7 điểm</li> </ul>	<p>100% giáo viên có tài khoản bồi dưỡng</p>										
<ul style="list-style-type: none"> <li>&lt;30%: tối đa 2 điểm;</li> <li>30%-60%: tối đa 4 điểm;</li> <li>&gt;60%: tối đa 6 điểm. 4/6 điểm</li> </ul>	<p>30/30 GV 25/30 GV</p>										

STT	Tiêu chí	Điểm tối đa	Điểm thành phần	Mức độ	Ghi chú, minh chứng (Đối với các minh chứng là văn bản, quy chế của nhà trường, yêu cầu ghi rõ số, ngày ban hành, tên văn bản)
1.7.	<p>Hệ thống, thiết bị sử dụng chuyển đổi số dạy, học:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tỷ lệ phòng học có thiết bị trình chiếu, thiết bị phụ trợ sử dụng dạy-học và kết nối Internet trên tổng số phòng học</li> </ul>		<p>&lt;20%&gt;: tối đa 2 điểm; 20%-60%: tối đa 5 điểm; &gt;60%: tối đa 8 điểm 8/8 điểm</p>		
	<p>Mức độ đáp ứng yêu cầu môn Tin học</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có phòng studio (gồm máy tính, thiết bị phục trợ cho việc xây dựng học liệu số, bài giảng điện tử)</li> </ul>	20	<p>Mức độ 1: tối đa 2 điểm; Mức độ 2: tối đa 5 điểm; Mức độ 3: tối đa 7 điểm 5/7 điểm</p> <p>Tối đa 5 điểm 3/5 điểm</p>	<p>Mức độ 1: dưới 8 điểm Mức độ 2: từ 8 - 14 điểm Mức độ 3: trên 14 điểm Đạt mức độ 3: 16/20 điểm</p>	<p>21/ 21 phòng</p> <p>GV hợp đồng thỉnh giảng</p> <p>Có phòng nhưng chưa có máy thu âm</p>
2	<b>Chuyển đổi số trong quản trị cơ sở giáo dục</b>	100			
2.1.	Cơ sở giáo dục thành lập bộ phận chỉ đạo, phụ trách, triển khai ứng dụng CNTT, chuyển đổi số (thông tin: Họ tên, chức vụ, email, điện thoại)				Có quyết định thành lập hội đồng
2.2.	Có ban hành kế hoạch ứng dụng CNTT, chuyển đổi số				Có xây dựng kế hoạch
2.3	<p>Có triển khai phần mềm quản trị nhà trường (cung cấp thông tin: tên giải pháp, tự xây dựng/mua/thuê):</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có ban hành quy chế sử dụng hệ thống quản trị nhà trường</li> <li>- Có triển khai phân hệ quản lý học sinh (quản lý hồ sơ, kết quả học tập)</li> <li>- Có triển khai số điểm điện tử, học bạ điện tử</li> <li>- Có triển khai phân hệ quản lý đội ngũ CBVCNV</li> <li>- Có triển khai phân hệ quản lý cơ sở vật chất</li> <li>- Có triển khai phân hệ quản lý thông tin y tế trường học, quản lý thông tin về sức khỏe học sinh</li> </ul>	70	<p>Tối đa 6 điểm 4/6 điểm</p> <p>Tối đa 6 điểm 4/6 điểm</p> <p>File PDF: tối đa 3 điểm; Áp dụng chứng thư số: tối đa 10 điểm 9/10 điểm</p> <p>Tối đa 6 điểm 5/6 điểm</p> <p>Tối đa 10 điểm 8/10 điểm</p> <p>Tối đa 10 điểm 8/10 điểm</p>	<p>Mức độ 1: dưới 20 điểm Mức độ 2: từ 20-50 điểm Mức độ 3: trên 50 điểm Đạt mức độ 2: 47/60</p>	<p>Phân quyền quản lí HSCM và CSDL</p> <p>Sử dụng số điểm và học bạ điện tử</p>

HUY NGƯ  
ONG  
OC CUSO  
BN BAI  
ONG

STT	Tiêu chí	Điểm tối đa	Điểm thành phần	Mức độ	Ghi chú, minh chứng (Đối với các minh chứng là văn bản, quy chế của nhà trường, yêu cầu ghi rõ số, ngày ban hành, tên văn bản)
	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có triển khai phân hệ quản lý kê toán</li> <li>- Phần mềm kết nối và trao đổi đầy đủ dữ liệu với CSDL ngành (do Bộ quản lý)</li> </ul>		<i>Tối đa 6 điểm 4/6 điểm</i> <i>Tối đa 6 điểm 5/6 điểm</i>		
2.4.	Mức độ triển khai dịch vụ trực tuyến:	30	<i>Tối đa 8 điểm 5/8 điểm</i>	Mức độ 1: dưới 10 điểm Mức độ 2: từ 10-18 điểm Mức độ 3: trên 18 điểm	Trang Web trường THCS Kiên Bai
	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có triển khai ứng dụng kết nối giữa gia đình và nhà trường (thông tin: Qua OTT (Over The Top) hoặc qua ứng dụng web)</li> <li>- Có triển khai dịch vụ tuyển sinh đầu cấp trực tuyến:</li> <li>- Có triển khai dịch vụ thu phí dịch vụ giáo dục theo hình thức không dùng tiền mặt</li> </ul>		<i>Tối đa 12 điểm 12/12 điểm</i>	Đạt mức độ 3: 28/30 điểm	Nhóm zalo các lớp chủ nhiệm Công thông tin, trang Web
			<i>Tối đa 10 điểm 9/10 điểm</i>		

**Tổng số điểm: 151/200 (75,5%)- Đạt mức độ 3**

**\* Tự nhận xét, đánh giá:**

Ưu điểm:

- Phổ biến sâu rộng đến tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên tại đơn vị
- Cơ bản tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên tiếp cận, nắm bắt các văn bản chỉ đạo, bước đầu vận dụng.
- Thực hiện thành công việc kí chữ ký số trên phần mềm quản lý hồ sơ chuyên môn.
- Cơ bản các tiêu chí đều đạt ở mức độ 2 và mức độ 3.
- Việc sử dụng công khai đánh giá trên hệ thống phần mềm được thực hiện nghiêm túc, đúng hướng dẫn.

Tồn tại, hạn chế:

- Việc thực hiện chuyển đổi số còn một số bất cập một số giáo viên, nhân viên khả năng CNTT còn hạn chế,
- Vấn đề chuyển đổi số là một nội dung mới được triển khai nên còn lúng túng, chưa thành thạo, thiếu kinh nghiệm.
- Việc triển khai tới học sinh và phụ huynh học sinh không thể đảm bảo 100% do trình độ dân trí, do điều kiện kinh tế...
- Phần mềm chưa hoàn thiện, đôi khi phải làm đi làm lại mất nhiều thời gian ảnh hưởng đến công việc khác.

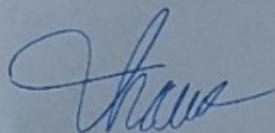
Kết quả đánh giá, xếp loại trên đã được tất cả các thành viên của Hội đồng tự

đánh giá nhất trí và ký tên vào biên bản.

Buổi tự đánh giá kết thúc vào hồi 16 giờ 30 phút cùng ngày

### THU KÝ

(Ký, ghi rõ họ tên)



Phạm Thị Hồng Thanh

### CHỦ TOẠ

(Ký, đóng dấu ghi rõ họ tên)



HIỆU TRƯỞNG

Trần Thị Hồng Trần

